

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HS-ST

Ngày 06-02-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Lê Vũ Huy Hoàng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Phước**

2. Ông **Đỗ Ngọc Cận**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2017/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2017/HSST-QĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Lê Trung N**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số x đường Q 1, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn X và bà Dương Thị T; Có vợ và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Bị cáo có 03 tiền án, lần thứ nhất vào ngày 09-5-2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 28/TA, lần thứ hai vào ngày 25-9-2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2007/HSST và lần thứ ba vào ngày 17-12-2007 bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc

Trắng xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2007/HSST, đến ngày 17-10-2012 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù đến lần phạm tội này bị cáo đã được xóa án tích; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-9-2017; (có mặt)

2. **Chế Văn Đ**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số xx đường N, Khóm K, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chế Văn C và bà Nguyễn Thị N; Có vợ và 01 con; Tiền án: 01 lần, vào ngày 25-5-2015 bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2015/HSST, đến ngày 11-8-2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08-11-2017; (có mặt)

* *Người bị hại*: Ông **Chung Thanh T**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số xx/xx ấp ĐC, xã ĐT, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Phan Chí T1**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Số xx/xx/x đường Đ, Khóm Z, Phường J, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 20-10-2016, Lê Trung N một mình đi bộ vào Hẻm xxx đường Q, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng với mục đích tìm tài sản của người khác để trộm. Khi N đến trước nhà số xxx/x thì phát hiện bên trong hàng rào nhà này có dựng nhiều xe mô tô, N quan sát thấy không có người trông giữ nên nảy sinh ý định lấy trộm xe để bán lấy tiền tiêu xài. N đi vào trong hàng rào và đến chỗ để chiếc xe Wave, màu xanh-đen-bạc, biển số 83P2-yyy.xx của anh Chung Thanh T đang đậu, N dùng cây dao xếp đã mang theo, lấy mũi dao đưa vào ổ khóa bẻ mạnh thì mở được khóa, N dẫn xe ra khỏi cổng rào khởi động nổ máy chạy đi, trên đường đi N dừng lại tháo biển số vứt bỏ và chạy xe đến một con hẻm gần Chùa ĐG, thành phố S, tại đây N điện thoại cho bạn là Chế Văn Đ rồi kêu Đ tìm chỗ bán xe vừa trộm cắp được thì Đ đồng ý. Khoảng 15 phút sau thì Đ và anh vợ tên Hứa Chí T2 đi xe đến, N kêu Đ bán xe trộm cắp được với giá 3.000.000đ, Đ biết xe này do N trộm cắp mà có nhưng không có tiền mua nên Đ nói để Đ kêu bạn của Đ mua, Đ nói với N nếu bán xe được giá cao hơn Đ sẽ lấy số tiền chênh lệch thì N đồng ý. Sau khi thỏa thuận

xong, Đ điện thoại cho bạn là Tạ Hoàng T3 kêu bán xe của N trộm được với giá 4.000.000đ và kêu Tạ Hoàng T3 qua hẻm gần Chùa Đại Giác để xem xe. Khi đến thấy xe thì Tạ Hoàng T3 hỏi xe sao không có biển thì Đ nói xe mới, xem xe xong thì Tạ Hoàng T3 đồng ý mua xe với giá 4.000.000đ và đưa tiền cho N rồi nhờ Hứa Chí T2 chạy xe về giùm, còn Tạ Hoàng T3 thì chạy xe của mình về. Khi nhận tiền thì N đưa lại cho Đ 1.000.000đ như đã thỏa thuận, trên đường về thì Tạ Hoàng T3 điện thoại cho bạn là Phan Chí T1 kêu bán xe thì Tâm hẹn gặp Tạ Hoàng T3 tại đường ĐTĐ, Phường J, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Khi đến điểm hẹn thì Tạ Hoàng T3 kêu bán xe đã mua của N cho Phan Chí T1 với giá 5.000.000đ, Phan Chí T1 xem xe xong thì đồng ý và trả tiền. Tạ Hoàng T3 chở Hứa Chí T2 về và đưa cho Hứa Chí T2 500.000đ nhờ đưa cho Đ, nhận được tiền Đ cho Hứa Chí T2 200.000đ. Mua được xe thì Phan Chí T1 điện thoại cho Nguyễn Hoàng T3 kêu bán chiếc xe trên, thì Nguyễn Hoàng T3 nói không có tiền mua và giới thiệu cho Nguyễn Thanh N1 mua, Nguyễn Hoàng T3 dẫn N1 đến nhà của Phan Chí T1 xem xe và đồng ý mua với giá 6.500.000đ, Phan Chí T1 cho Nguyễn Hoàng T3 500.000đ rồi tất cả đi về. Còn anh Chung Thanh T sau khi phát hiện mất xe nên đến công an Phường Y, thành phố S trình báo.

Tại Kết luận Định giá Tài sản số 255/KL.ĐGTS, ngày 28-10-2016 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu sơn xanh-đen-bạc, biển số 83P2-yyy.xx, số khung 125FY018378, số máy HC12E7018547, giá trị sử dụng còn lại 90%, với số tiền là $01 \times 15.500.000đ \times 90\% = 13.950.000đ$.

Tại Cáo trạng số 101/QĐ.KSĐT ngày 24-11-2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố S đã truy tố bị cáo Lê Trung N về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và bị cáo Chế Văn Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Trung N về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và bị cáo Chế Văn Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Lê Trung N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo N từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù;

Bị cáo Chế Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Áp dụng Khoản 1 Điều 250; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm g, p Khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Đ từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Chung Thanh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây dao xếp có cán và lưỡi bằng kim loại trên thân dao có chữ USA, dài 20cm đã được niêm phong; 01 áo thun dài tay màu đỏ có chữ Naivc Energetic.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xám đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106 màu đỏ đen và 01 sim điện thoại.

Trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Chí T1: 01 điện thoại di động FPT màu đen trắng và 01 sim điện thoại.

Giao 01 điện thoại di động Samsung A7 màu vàng, bị nứt màn hình và 01 sim điện thoại cho cơ quan Điều tra công an thành phố S tiếp tục quản lý để xác minh làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Chung Thanh T là người bị hại vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xem xét lời khai của người bị hại tại các biên bản ghi lời khai, thì ông T thừa nhận xe mô tô hiệu Wave Alpha, biển số 83P2-yyy.xx của ông là do bị cáo N lấy trộm. Nay ông đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường. Về hình phạt ông có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Tại phiên tòa, ông Phan Chí T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận khi mua xe mô tô hiệu Wave Alpha, biển số 83P2-yyy.xx thì ông không biết xe do phạm tội mà có. Nay ông đã giao lại xe mô tô và không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Trung N và Chế Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng tội, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người bị hại ông Chung Thanh T vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra thì người bị hại đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án và việc vắng mặt của người bị hại trên cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với người bị hại.

[3] Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa, là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Trung N về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và bị cáo Chế Văn Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Trung N và Chế Văn Đ đã khai nhận:

Vào khoảng 14 giờ ngày 20-10-2016, bị cáo N đi bộ vào Hẻm xxx đường Q, Khóm 1, Phường 7, thành phố S khi đến trước nhà số xxx/x thì phát hiện bên trong hàng rào có dựng nhiều xe mô tô, quan sát thấy không có người trông giữ nên đi vào trong hàng rào và đến chỗ để chiếc xe mô tô hiệu Wave, biển số 83P2-yyy.xx đang đậu dùng cây dao xếp đã mang theo, lấy mũi dao đưa vào ổ khóa bẻ mạnh thì mở được khóa rồi dẫn xe ra khỏi cổng rào khởi động nổ máy chạy đi. Trên đường đi bị cáo tháo bỏ biển số xe và chạy xe đến hẻm gần Chùa Đại Giác rồi điện thoại cho bị cáo Đ kêu tìm chỗ để bán xe vừa lấy trộm được

thì Đ đồng ý. Sau đó, Đ cùng với anh vợ tên Hứa Chí T2 đi xe đến, N mới kêu Đ bán xe trộm cắp được với giá 3.000.000đ, Đ mới nói với N nếu bán xe được giá cao hơn Đ sẽ lấy số tiền chênh lệch thì N đồng ý. Bị cáo Đ điện thoại cho Tạ Hoàng T3 kêu đến hẻm gần chùa ĐG để bán xe với giá 4.000.000đ, T3 đến xem xe xong thì đồng ý mua với giá 4.000.000đ và đưa tiền cho bị cáo N. Số tiền bán xe có được bị cáo N tiêu xài cá nhân hết, còn bị cáo Đ lấy số tiền bán xe chênh lệch là 1.000.000đ và Tạ Hoàng T3 cho Đ 500.000đ.

[4] Xét hành vi của bị cáo Lê Trung N đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người bị hại, bị cáo đã lén lút lấy trộm xe mô tô hiệu Wave Alpha, biển số 83P2-yyy.xx. Qua định giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt có giá trị là 13.950.000đ. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Trung N phạm tội “Trộm cắp tài sản ” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhưng không phải là có nhân thân tốt. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã kịp thời thu hồi trả cho người bị hại, nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[5] Xét hành vi của bị cáo Chế Văn Đ không hứa hẹn trước mà biết rõ xe mô tô do bị cáo N chiếm đoạt của người khác, nhưng vẫn giới thiệu cho người khác mua để thu lợi được số tiền 1.500.000đ. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Chế Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng, vì vào ngày 25-5-2015 bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2015/HSST, đến ngày 11-8-2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Cần áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để tăng nặng một phần hình phạt đối với bị cáo.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã kịp thời thu hồi trả cho người bị hại, nên bị cáo phạm tội

nhưng gây thiệt hại không lớn; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đối với Tạ Hoàng T3 trong quá trình Điều tra đã bỏ địa phương đi đâu, làm gì không rõ. Đề nghị cơ quan Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với Phan Chí T1, Nguyễn Hoàng T3 và Nguyễn Thanh N1 khi mua bán xe thì các ông không biết xe do phạm tội mà có, nên cơ quan Điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Hứa Chí T2 mặc dù có đi chung với bị cáo Đ nhưng không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo, nên cơ quan Điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Chung Thanh T là người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án thu được: 01 cây dao xếp có cán và lưỡi bằng kim loại trên thân dao có chữ USA, dài 20cm đã được niêm phong và 01 áo thun dài tay màu đỏ có chữ Naive Energetic; 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xám đen và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106 màu đỏ đen và 01 sim điện thoại; 01 điện thoại di động FPT màu đen trắng và 01 sim điện thoại và 01 điện thoại di động Samsung A7 màu vàng, bị nứt màn hình và 01 sim điện thoại.

Xét thấy, cần xử lý vật chứng của vụ án như sau:

- Đối với 01 cây dao là của bị cáo N dùng làm công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 áo thun dài tay màu đỏ là của bị cáo N, nhưng trong quá trình Điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động Nokia 1280 là của bị cáo N, dùng làm phương tiện phạm tội và còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106 và 01 sim điện thoại là của bị cáo Đ, dùng làm phương tiện phạm tội và còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động FPT và 01 sim điện thoại là của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Chí T1 không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả cho ông Tâm

- Đối với 01 điện thoại di động Samsung A7 và 01 sim điện thoại là của ông Tạ Hoàng T3, nhưng do trong quá trình Điều tra đã bỏ địa phương đi đâu và làm gì không rõ. Do đó, cần giao điện thoại Samsung A7 cho cơ quan Điều tra Công an thành phố Sóc Trăng tiếp tục quản lý để xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Xét thấy, lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và việc áp dụng pháp luật là có căn cứ. Về hình phạt cần xử phạt các bị cáo ở mức khởi điểm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138; điểm g, p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Lê Trung N.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 250; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm g, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Chế Văn Đ.

Tuyên bố:

Bị cáo Lê Trung N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Bị cáo Chế Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

1. Xử phạt bị cáo Lê Trung N 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-9-2017.

2. Xử phạt bị cáo Chế Văn Đ 01 (*một*) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm a, b, đ Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây dao xếp có cán và lưỡi bằng kim loại trên thân dao có chữ USA, dài 20cm đã được niêm phong và 01 (một) áo thun dài tay màu đỏ có chữ Naivc Energetic.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Nokia 1280 màu xám đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 106 màu đỏ đen và 01 (một) sim điện thoại.

- Trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Chí T1: 01 (một) điện thoại di động FPT màu đen trắng và 01 (một) sim điện thoại.

5. Giao 01 (một) điện thoại di động Samsung A7 màu vàng, bị nứt màn hình và 01 (một) sim điện thoại cho cơ quan Điều tra Công an thành phố Sóc Trăng tiếp tục quản lý để xử lý theo quy định pháp luật.

6. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc mỗi bị cáo phải nộp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- PGĐKT – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng